

Bản án số: **05/2024/DS-ST**
Ngày: 27/02/2024
“V/v”**“Tranh chấp về thừa kế
tài sản”**”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quân và bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 10/6/2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 152/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

+ Ông Thân Đức G, sinh năm 1958. Trú tại: G H, tổ B, phường T, Quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt

+ Bà Trương Thị H, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

Người đại diện đại diện theo ủy quyền của Bà Trương Thị H: Ông Thân Đức G (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2022).

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn T (Tên gọi khác Lê Thanh T1), bà Trương Thị L. Đều trú tại: Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Minh B và bà Đoàn Thị M - Luật sư Công ty L1. Địa chỉ: G T, thành phố H. Ông B có mặt, bà M vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn K – Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường UBND huyện P. Có mặt.

2. Ông Thân Đức Đ, sinh năm: 1932. Trú tại: Số A kiệt C, đường N, Phường

P, TX H, Thừa Thiên Huế. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

- Ông Thân Đức H1; Địa chỉ: Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
- Ông Thân Hoài N; Địa chỉ: A Ngõ I H, phường L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
- Ông Thân Đức Q; Địa chỉ: Tổ F Khu C, Số A N, thị trấn P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
- Bà Thân Thị H2; Địa chỉ: Tổ F Khu C, Số A N, thị trấn P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Bà Thân Thị Đ1, sinh năm: 1934. Trú tại: Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2023). Có mặt.

4. Bà Thân Thị Q1, sinh năm: 1948. Trú tại: Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Bà Thân Thị S, sinh năm: 1947. Trú tại: Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Ông Thân Đức C, sinh năm 1962. Trú tại: Số A, đường số C, phường C, G, TP HCM. Vắng mặt.

7. Bà Thân Thị H3, sinh năm 1963. Trú tại: H, TT.P, huyện P, Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Ông Thân Đức Đ2, sinh năm 1969. Trú tại: 8 H, Phường Q, TP Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

9. Bà Trương Thị H, sinh năm: 1963. Trú tại: 0 H, Phường A, TP H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Bà Trương Thị T2, sinh năm 1967. Trú tại: L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện đại diện theo ủy quyền của ông Thân Đức Đ2, ông Thân Đức C, bà Thân Thị H3, bà Trương Thị T2, Thân Thị Q1, bà Thân Thị S, bà Trương Thị H, sinh năm 1963: Ông Thân Đức G, sinh năm 1958. Trú tại: G H, tổ B, phường T, Quận T, TP Đà Nẵng (Theo các văn bản ủy quyền ngày 03/6/2022, 30/5/2022, 31/5/2022, 23/6/2022, 24/6/2022, 29/6/2022. Có mặt.

11. Chị Lê Thị Bảo N1, Anh Lê Bảo B1, chị Lê Thị Bảo T3 (Các con của ông T1, bà L); T4 tại: Đều trú tại: Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2022, 31/5/2022, bản tự khai ngày 28/6/2022, 29/6/2022 của Nguyên đơn ông Thân Đức G, bà Trương Thị H (sinh năm 1964) trình bày: Cha mẹ của ông Thân Đức G và bà Trương Thị H (sinh năm 1964) là cụ ông Thân Đức N2 (chết năm 1991) và cụ bà Trương Thị Y (chết năm 1990). Trước khi chết, hai cụ N2 và Y1 có tạo dựng một ngôi nhà cấp 4 ba gian tọa lạc trên diện tích đất 1.841m² (thửa đất số 292, bản đồ số 36) tại Thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, (tạo lập trước năm 1975). Hai cụ N2 và bà Y có 06 người con gồm: Ông Thân Đức Đ (chết 02/6/2023), bà Thân Thị Đ1, ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1968, ông Đ3 có 04 người con là Thân Đức C, thân Đức Giáo, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2), bà Thân Thị C1 (chết năm 1986, có 03 người con là Trương Thị H (sinh năm 1963), Trương Thị H (sinh năm 1964), Trương Thị T2), bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S. Các con của hai cụ N2 và Y ở với hai cụ từ nhỏ đến khi lập gia đình và ra ở riêng. Chỉ có bà Thân Thị Đ1 sau khi lập gia đình thì ở cùng hai cụ tại thửa đất nêu trên. Quá trình ở bà Đ1 đã tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và được cấp Giấy chứng nhận số Q 531209, diện tích đất 1766 m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002. Ông Lê Thanh T1 là con trai bà Thân Thị Đ1 ở cùng vợ là bà Trương Thị L và các con tại thửa đất nêu trên. Ngày 08/01/2014 Bà Đ1 đã tự ý tặng cho vợ chồng ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L quản lý sử dụng nhà và toàn bộ diện tích đất của hai cụ N2 và Y. Ông T1 và bà L đã tự ý tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 ba gian của hai cụ N2 và Y1 (nay chỉ còn lại móng nhà) và đăng ký biến động sang tên toàn bộ diện tích đất nói trên từ bà Đ1 sang cho ông T1, bà L. Từ khi cụ N2 và cụ Y chết, các con cháu của hai cụ chưa có điều kiện để xây dựng nhà thờ. Năm 2021 các con cháu của hai cụ thấy nhà, đất của gia đình đã bị vợ chồng ông T1 kê khai, đứng tên tại Giấy chứng nhận nên đã đề nghị vợ chồng ông T1 cắt một phần đất để xây dựng nhà thờ nhưng vợ chồng ông T1 không đồng ý. Hiện nay trên thửa đất không có nhà của cụ N2 và Y1 mà chỉ còn lại phần móng nhà vì năm 1995, vợ chồng ông T1, bà L tự ý tháo dỡ do có sự đồng ý của ông Thân Đức Đ (con của hai cụ N2 và cụ Y1). Trên đất hiện nay có nhà của bà Thân Thị Đ1 xây dựng.

Do đó, ông Thân Đức G, bà Trương Thị H (sinh năm 1964) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Thân Đức N2 (chết năm 1991) và bà Trương Thị Y (chết năm 1990) gồm nhà và quyền sử dụng diện tích đất 1.841 m², thửa đất số 296, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209, diện tích đất 1766 m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

- Tờ khai những người thừa kế theo pháp luật của ông N2, bà Y;
- Bản sao phiếu cung cấp thông tin địa chính của UBND xã P;
- Bản sao Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã P, huyện P ngày 11/3/2022;
- Bản sao Trích lục khai tử ông Thân Đức N2, bà Trương Thị Y, ông Thân Đức Đ3, bà Trương Thị Y2, bà Thân Thị C1;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của ông Thân Đức G, bà Trương Thị H.
- Giấy ủy quyền của ông Thân Đức Đ2, ông Thân Đức C, bà Thân Thị H3, bà Trương Thị T2.
- Công văn cung cấp dữ liệu đất đai của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P ngày 02/6/2022.
- Bản phô tô (có dấu treo của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P) Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thân Thị Đ1.
- Bản phô tô (có đóng dấu treo của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209 đối với diện tích đất 1766m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2022 Bị đơn ông Lê Văn T, bà Trương Thị L trình bày: Nguồn gốc thửa đất theo tờ bản đồ 299 bao gồm 01 thửa đất số 370, tờ bản đồ số 8, có diện tích 150 m² do bà Thân Thị Đ1 kê khai đăng ký, 01 thửa số 371, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1090 m² của cụ ông Thân Đức N2 kê khai đăng ký. Sau năm 1975, các con của cụ ông Thân Đức N2 và cụ bà Trương Thị Y đều đã lập gia đình và đi nơi khác sinh sống. Do đó vợ chồng, các con của ông T, bà Đ1 (mẹ của ông T) sống cùng hai cụ N2 và Y1 tại thửa đất nêu trên. Cụ ông Thân Đức N2 (chết năm 1991) và cụ bà Trương Thị Y (chết năm 1990). Do ngôi nhà cũ của cụ N2 và cụ Y xuống cấp, ông Thân Đức Đ (con của hai cụ N2 và Y) đã cho vợ chồng bà Trương Thị H (sinh năm 1964) tháo dỡ hoàn toàn. Năm 2002 Ông Thân Đức Đ, bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S đã làm giấy từ chối hưởng di sản thừa kế của cụ N2 và cụ Y, giao toàn bộ cho bà Đ1 quản lý, sử dụng. Bà Đ1 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận số Q 531209, diện tích đất 1766 m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002. Ngày 08/01/2014 bà Đ1 tặng cho vợ chồng ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L toàn bộ diện tích đất. Ngày 13/3/2020 ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với thửa đất trên tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện P với diện tích 1766 m² trong đó đất ở 400 m² và đất trồng cây nông nghiệp là 1366 m² với thời hạn sử dụng là ngày 15/10/2063. Hiện nay, vợ chồng ông T1 bà L, các con của ông T1 bà L và bà Đ1 đang ở tại thửa đất nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Bị đơn ông T1 bà L đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện theo pháp luật về thừa kế do hai cụ N2 và Y1 chết cách đây 31 năm do đó đã hết thời hiệu khởi kiện theo pháp luật về thừa kế, ngôi nhà cũ của hai cụ đã cho vợ chồng bà H tháo dỡ hoàn toàn hiện không còn nhà nữa. Bà Đ1 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận số Q 531209, diện tích đất 1766m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế

là đúng quy định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn C2 trình bày: Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận số Q 531209, diện tích đất 1766m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà Thân Thị Đ1 là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S, ông Thân Đức C, bà Thân Thị H3, ông Thân Đức Đ2, bà Trương Thị H (sinh năm 1963), bà Trương Thị T2; Người đại diện theo ủy quyền ông Thân Đức G trình bày: Đồng ý như phần trình bày của Nguyên đơn, đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209, diện tích đất 1766m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Thân Đức N2 (chết năm 1991) và bà Trương Thị Y (chết năm 1990) gồm nhà và quyền sử dụng diện tích đất 1.841 m², thửa đất số 296, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại thôn L, xã P, Huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Diện tích đất thừa kế được chia theo pháp luật cho mỗi người được hưởng đề nghị gộp thành một thửa để thuận tiện cho việc xây dựng nhà thờ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn Bà Thân Thị Đ1, Chị Lê Thị Bảo N1, Anh Lê Bảo B1, chị Lê Thị Bảo T3, Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L trình bày: Đồng ý như phần trình bày của Bị đơn đề nghị Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 23/8/2023, xác định: Thửa 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích 1.766,0m² (Đất ở 400m², Đất nông nghiệp: 1.366,0m²).

- Giá trị đất theo giá Nhà nước: Thửa đất vị trí: 2; tỉnh lộ 10A; Đơn giá đất ở: 273.000 đồng/m²; Đơn giá đất nông nghiệp: 33.000 đồng/m². Giá trị toàn bộ diện tích theo giá trị Nhà nước: 154.278.000 đồng.

- Giá trị đất khảo sát giá thị trường: Qua khảo sát giá thị trường và tham khảo ý kiến đại diện của UBND xã P, giá thị trường tại khu vực này có giá bình quân là 3.500.000đồng/m². Giá trị toàn bộ diện tích đất theo giá khảo sát thị trường là: 6.181.000.000 đồng.

- Giá trị tài sản trên đất:

+ Nhà 1: Kết cấu: Nhà cấp 4, móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch đá, cột bê tông cốt thép, tường gạch, mái ngói, tôn, cột bê tông cốt thép. Diện tích 96,2m². Có gác lửng 10m². Đơn giá: 3.224.000đồng/m². Giá trị còn lại 60%. Thành tiền: 249.907.000 đồng.

+ Nhà 2: Kết cấu: Nhà cấp 4, móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch, cột bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn nền lát gạch, có khu phụ. Diện tích 156,1m². Đơn giá: 3.564.000đồng/m². Giá trị còn lại 85%. Thành tiền: 472.889.000 đồng

+ Mái hiên: Trụ bê tông cốt thép, khung gỗ, mái tôn bi rô xi măng. Diện tích: 48m². Đơn giá: 577.000 đồng/m². Giá trị còn lại: 60%. Thành tiền: 20.606.000 đồng.

+ Sân: Sân bê tông, xi măng, Diện tích: 165.2m². Đơn giá: 215.000 đồng/m². Giá trị còn lại: 60%. Thành tiền: 26.425.000 đồng.

+ Am thờ: 02 cái. Đơn giá 1.018.000 đồng/ cái. Giá trị còn lại 25%. 631.000 đồng.

+ Bê cá và Bình phong: Đơn giá 1.233.000đồng/m³. Khối tích: 3.5m³. Giá trị còn lại: 50%. Thành tiền: 2.675.000 đồng

+ T5 xây bờ lô: Đơn giá: 1.000.000 đồng/m³. Khối lượng: 6,17 khối, giá trị còn lại 50%. Thành tiền: 3.825.000 đồng.

(Giá thành tiền đã nhân hệ số bù cước vận chuyển 1.08 và hệ số điều chỉnh đơn giá 1.148)

+ Trụ cổng: Giá trị không đáng kể, đương sự không yêu cầu định giá.

+ Cây trồng: 03 cây Mai vàng lá xanh, 01 Cây Đào, 02 Cây Bưởi; 02 cây Cóc; 01 Cây Mít; 02 Cây khế; 02 cây Mãng, 02 cây xoài, 02 cây Nguyệt Quế, 100 cây Tre; 02 Cây V; T6 tiền: 17.478.000 đồng. Ngoài ra có các cây chè tàu và 03 nhà nấm rơm, cây sứ giá trị không đáng kể, đương sự không yêu cầu định giá.

Các bên đương sự đều đồng ý với kết quả định giá ngày 23/8/2023 và Bản vẽ hiện trạng nhà đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P lập ngày 7/9/2023 theo yêu cầu của Tòa án.

Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn ông Thân Đức G tự nguyện chịu toàn bộ. Đã nộp đủ.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thân Đức C, bà Thân Thị H3, ông Thân Đức Đ2, bà Trương Thị H (sinh năm 1963), bà Trương Thị T2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209, diện tích đất 1766m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002. Chia di sản thừa kế của của hai cụ N2, Y để lại bằng giá trị hiện vật cho Bà Đ1 và Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1968, có 04 người con là Thân Đức C, thân Đức Giáo, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2), bà Thân Thị C1 (chết năm 1986, có 03 người con là Trương Thị H (sinh năm 1963), Trương Thị H (sinh năm 1964), Trương Thị T2), trích công sức bảo quản, giữ gìn tài sản cho bà Đ1 10% và vợ chồng ông T1 bà L 7%. Không chấp

nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Thân Thị S và Thân Thị Q1. Về án phí các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về họ và tên của bị đơn anh Lê Thanh T1, sau khi tạm ngừng phiên tòa quá trình xác minh đã có cơ sở xác định tuy họ và tên bị đơn anh Lê Văn T và Lê Thanh T1 là khác nhau nhưng thực tế đó chính là bị đơn trong vụ án. Do đó, hội đồng xét xử xét cần tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ ông Thân Đức N2 (chết năm 1991) và cụ bà Trương Thị Y (chết năm 1990) là thửa 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện nay, thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đứng tên bà Thân Thị Đ1, nên nguyên đơn có yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và huỷ đăng ký biến động đối với thửa đất trên tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện P với diện tích 1766 m² trong đó đất ở 400 m² và đất trồng cây nông nghiệp là 1366 m² với thời hạn sử dụng là ngày 15/10/2063 vào ngày 13/3/2020 đối với ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L. Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản” được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có liên quan đến yêu cầu huỷ quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thân Đức Đ vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự đã vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các đương sự đều xác định ông Lê Thanh T1 và ông Lê Văn T là một người nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận để xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209, diện tích đất 1766m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002 thấy rằng:

Bị đơn ông ông Lê Văn T, bà Trương Thị L và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Đ1 (Mẹ của ông T) đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất theo tờ bản đồ 299 thửa đất 371 bao gồm 02 thửa: 01 thửa đất số 370, tờ bản đồ số 8, có diện tích 150m² do bà Thân Thị Đ1 kê khai đăng ký; 01 thửa số 371, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1090m² của cụ ông Thân Đức N2 kê khai đăng ký, lời khai phù hợp với phiếu cung cấp thông tin (BL183) của Ủy ban nhân dân xã P. Bố mẹ của hai

Cụ đều đã chết trước đó, H4 cụ có 06 người con gồm: Ông Thân Đức Đ (chết 02/6/2023), bà Thân Thị Đ1, ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1968, ông Đ3 có 04 người con là Thân Đức C, Thân Đức G, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2), bà Thân Thị C1 (chết năm 1986, có 03 người con là Trương Thị H (sinh năm 1963), Trương Thị H (sinh năm 1964), Trương Thị T2), bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện các bên đương sự đều thừa nhận nên không phải chứng minh. Tháng 6 năm 2022 bà Thân Thị Đ1 thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với toàn bộ thửa đất (gộp thửa số 370, 371) với diện tích 1766 m². Tại tờ khai những người thừa kế theo pháp luật của cụ ông Thân Đức N2 do bà Thân Thị Đ1 kê khai ngày 26/6/2022 (được UBND xã P xác nhận ngày 20/7/2022) (BL300-301) thì bà Đ1 kê khai hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người con của hai cụ là: ông Thân Đức Đ, bà Thân Thị Đ1, bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S. Bỏ sót 02 người con của hai Cụ là ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1968) có 04 người con là Thân Đức C, Thân Đức G, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2; Bà Thân Thị C1 (chết năm 1986), có 03 người con là Trương Thị H (sinh năm 1963), Trương Thị H (sinh năm 1964), Trương Thị T2). Như vậy, việc bà Đ1 kê khai bỏ sót người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất tại tờ khai những người thừa kế theo pháp luật của cụ ông Thân Đức N2 là vi phạm quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, yêu cầu độc lập của Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209, diện tích đất 1766 m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002. Đồng thời, hủy đăng ký biến động đối với thửa đất trên tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện P với diện tích 1766 m² trong đó đất ở 400 m² và đất trồng cây nông nghiệp là 1366 m² với thời hạn sử dụng là ngày 15/10/2063 vào ngày 13/3/2020 đối với ông Lê Thanh T1, bà Trương Thị L

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện thừa kế: Cụ ông Thân Đức N2 19/02/1991 và cụ bà Trương Thị Y chết ngày 22/9/1990. Nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của hai Cụ là nhà, đất tại thửa đất số 371 có diện tích 1766 m², tờ bản đồ 08, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 03/6/2022. Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu thừa kế để xác định đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của hai Cụ N2, Y.

Xét lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trước khi chết cụ N2 và cụ Y có tạo dựng được 01 nhà cấp 4 tại thửa đất có diện tích 1766 m², thuộc tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến năm 1995 con của cụ N2 và Y1 là bà Trương Thị H (sinh năm 1963) tháo dỡ để lấy xác nhà mà không có sự thống nhất của tất cả các đồng thừa kế của hai cụ, hiện trên thửa đất chỉ còn lại phần nền móng cũ. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định di sản là bất động sản nên thời hiệu khởi kiện được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Do di sản của các cụ Y và cụ N2 có nhà ở trên đất nên căn cứ khoản 2 Điều

17 Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 thì thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999 (ngày Nghị quyết số 58/1998 có hiệu lực) không tính vào thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc cho rằng thời hiệu khởi kiện thừa kế đối với vụ án không còn để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xác định thời hiệu khởi kiện đang còn để giải quyết chia di sản thừa kế của cụ N2 và cụ Y theo pháp luật là có căn cứ.

[2.2] Xác định di sản thừa kế:

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn có yêu cầu độc lập cho rằng nguồn gốc nhà đất tại thửa đất có diện tích 1766 m², thuộc tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là của hai cụ N2 và Y1 (tạo lập trước năm 1975).

Bị đơn ông Lê Văn T, bà Trương Thị L và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Đ1 (Mẹ của ông T) đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất theo tờ bản đồ 299 thửa đất 371 bao gồm 02 thửa: 01 thửa đất số 370, tờ bản đồ số 8, có diện tích 150 m² do bà Thân Thị Đ1 kê khai đăng ký, 01 thửa số 371, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1090 m² của cụ ông Thân Đức N2 kê khai đăng ký. Năm 2002 Bà Đ1 được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất 371, diện tích 1766 m² là do bà đã kê khai gộp cả hai thửa 370, 371 và quá trình sử dụng bà có khai phá thêm nên diện tích đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận có biến động tăng so với bản đồ 299.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại phiếu cung cấp thông tin địa chính của Ủy ban nhân dân xã P ngày 23/4/2022 (BL183) thể hiện theo hồ sơ 299 (lập năm 1984) thửa đất 370 tờ bản đồ số 8, có diện tích 150 m² tại L, Phú Xuân Phú V do bà Thân Thị Đ1 kê khai đăng ký, thửa số 371, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1090 m² tại L, Phú Xuân Phú V do cụ ông Thân Đức N2 kê khai đăng ký.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 371, tờ bản đồ số 8, diện tích 1090m² tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là di sản thừa kế của hai cụ N2 và cụ Y. Giá trị quyền sử dụng đất 1090 m² là: $1090 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng/ m}^2 = 3.815.000.000 \text{ đồng}$.

Xét theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đứng về phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của hai cụ N2 và cụ Y là diện tích 1.841m² là không đúng nên cần bác một phần diện tích đất là 751m² mới chính xác.

Đối với tài sản trên đất là nhà cấp 4 do hai cụ N2, Y xây dựng trước năm 1975, các bên đương sự đều thừa nhận đã bị tháo dỡ, hiện trên thửa đất chỉ còn lại phần nền móng cũ không có giá trị. Nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn không yêu cầu chia di sản đối với phần móng nhà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với diện tích đất 150 m² nằm trong thửa đất đang tranh chấp do bà Thân Thị Đ1 kê khai đăng ký tại bản đồ 299, quá trình bà Đ1 sử dụng có khai phá thêm

526 m². Do đó, phần diện tích 676 m² đất này không ảnh hưởng đến quy hoạch và không do bố mẹ của bà Đ1 kê khai nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Thân Thị Đ1 là có căn cứ.

Đối với tài sản là 02 nhà ở (nhà số A, số 2) và các cây trồng trên đất các bên đương sự thừa nhận là tài sản của bà Đ1 và anh T chị L, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ ông Thân Đức N2 và cụ bà Trương Thị Y :

Quá trình giải quyết, các đương sự đều thống nhất về quan hệ nhân thân của cụ ông Thân Đức N2, cụ bà Trương Thị Y nên có cơ sở xác định những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm 06 người là các ông, bà: ông Thân Đức Đ (chết 02/6/2023), bà Thân Thị Đ1, bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S, ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1968, ông Đ3 có 04 người con là Thân Đức C, Thân Đức Giáo, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2), bà Thân Thị C1 (chết năm 1986, có 03 người con là Trương Thị H (sinh năm 1963), Trương Thị H (sinh năm 1964), Trương Thị T2). Ngoài ra các đương sự đều xác nhận không còn người thừa kế nào khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế của cụ ông Thân Đức N2 và cụ bà Trương Thị Y theo pháp luật:

Hội đồng xét xử xét thấy bà Thân Thị Đ1 ở cùng cha mẹ là hai cụ N2, Y tại thửa đất thừa đất số 371, tờ bản đồ số 8, diện tích 1090m² tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến khi hai cụ N2, Y chết. Hiện nay, thửa đất đang do bà Đ1 và các con của bà là ông T, bà L tiếp tục quản lý, sử dụng. Do đó cần xem xét đến công sức quản lý, giữ gìn khối di sản làm tăng giá trị di sản khi chia di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét cần trích công sức quản lý, giữ gìn làm tăng giá trị di sản cho bà Thân Thị Đ1 là 7% diện tích đất trong khối di sản là 76,3 m². Trích công sức quản lý, giữ gìn làm tăng giá trị di sản cho ông T, bà L là 5% diện tích đất trong khối di sản là 54,5 m².

Như vậy, di sản thừa kế còn lại của hai cụ N2, Y để phân chia là: 959,2 m² (1090 m² – 76,3 m² - 54,5m²), giá trị quyền sử dụng đất 959,2 m² là: 959,2m² × 3.500.000 đồng/m² = 3.357.200.000 đồng.

Xác định kỹ phần thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 21/6/2002, bà Thân Thị Q1 và bà Thân Thị S đã lập Giấy từ chối nhận di sản thừa kế của cha mẹ các bà là hai cụ N2 và Y để lại trong khối di sản là thửa đất 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, P, nhất trí để lại tài sản cho bà Thân Thị Đ1 toàn quyền sử dụng, Giấy từ chối nhận di sản thừa kế của các bà S, Q1 được UBND xã P vào sổ chứng thực ngày 03/7/2002 (BL188-191). Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế của bà Thân Thị Q1, Thân Thị S là có căn cứ.

Ngày 20/6/2002 ông Thân Đức Đ lập Giấy từ chối nhận di sản thừa kế của cha mẹ ông là hai cụ N2 và Y để lại trong khối di sản là thửa đất 371, tờ bản đồ số

8, tại thôn L, P, nhất trí để lại tài sản cho bà Thân Thị Đ1 toàn quyền sử dụng, Giấy tờ chối nhận di sản thừa kế của ông Đ được UBND xã P vào sổ chứng thực ngày 21/6/2002 (BL186,187).

Căn cứ Điều 620 Của Bộ luật Dân sự 2015, bà Q2, bà S và ông Đ đã từ chối nhận di sản của các ông bà được hưởng trong khối tài sản chung là diện tích đất 904,7 m² tại thôn L, P, P. Các ông bà nhất trí để lại phần di sản được hưởng cho bà Thân Thị Đ1 toàn quyền sử dụng. Do đó, bà Đ1 được nhận 01 kỷ phần thừa kế của bà Đ1 và 03 kỷ phần thừa kế của các ông bà Đ, Q1, S.

Tại hồ sơ vụ án thể hiện ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1986) có vợ là bà Trương Thị Y2 (đã chết năm 1994 (BL17) và có 04 người con là Thân Đức C, thân Đức Giáo, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2 (BL172); bà Thân Thị C1 (đã chết năm 1986), có vợ có 03 người con là Trương Thị T2, Trương Thị H, sinh năm 1963, Trương Thị H, sinh năm 1964). Do ông Đ3 và bà C1 đã chết trước người để lại di sản nên các con của ông Đ3, bà C1 là người thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự. Những người thừa kế của ông Đ3 nhận 01 kỷ phần thừa kế; Những người thừa kế của bà C1 nhận 01 kỷ phần thừa kế.

+ *Chia di sản theo hiện vật:*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015, những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng phần di sản bằng nhau nên di sản là quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật thành 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần là: $959,2 \text{ m}^2 : 6 \text{ kỷ phần} = 159,8 \text{ m}^2$.

Những người thừa kế của ông Đ3, bà C1 được hưởng: $(159,8 \text{ m}^2 \times 2) = 319,6 \text{ m}^2$ trong đó diện tích đất ở 75 m² đất trồng cây nông nghiệp là 244,6 m²

Bà Đ1 được nhận 04 kỷ phần thừa kế (Bà Đ1, ông Đ, bà Q1 và ông S) : $1090 \text{ m}^2 - 319,6 \text{ m}^2 = 770,4 \text{ m}^2$ và phần diện tích tự khai phá của bà Đ1 là 676 m², tổng cộng 1446,4 m² trong đó đất ở 325 m² đất trồng cây nông nghiệp là 1121,4 m²

+ *Chia di sản theo giá trị:*

Bà Đ1 được nhận 04 kỷ phần thừa kế (Bà Đ1, ông Đ, bà Q1 và ông S) có giá trị là: $770,4 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng} = 2.696.400.000 \text{ đồng}$.

Những người thừa kế của ông Đ3, bà C1 có giá trị là: $319,6 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng} = 1.118.600.000 \text{ đồng}$

Giao toàn bộ diện tích đất 319,6 m² cho những người thừa kế của ông Đ3, bà C1, do ông Thân Đức G đại diện nhận.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

[3] *Về chi phí thẩm định, định giá, bản vẽ:*

Nguyên đơn ông Thân Đức G đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ. Ông G đã nộp đủ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Nguyên đơn ông Thân Đức G được miễn án phí do ông G là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Bị đơn ông Lê Văn T và bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $(54,5 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 9.357.500 \text{ đồng}$. Mỗi người phải chịu 4.768.750 đồng. Ông T là người cao tuổi nên được miễn, bà L phải chịu 4.768.750 đồng làm tròn thành 4.768.700 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Đ1 được miễn án phí do các bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S không phải chịu án phí.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thân Đức C được miễn án phí do ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Nguyên đơn bà Trương Thị H (sinh năm 1964), Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trương Thị H (sinh năm 1963), Bà Trương Thị T2 mỗi người phải chịu án phí: $(159,8 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}) : 3 \times 5\% = 9.321.666 \text{ đồng}$ làm tròn thành 9.321.600 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền bà T2 số AA/2021/0000211 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, bà T2 được trả lại số tiền 3.774.400 đồng. Bà Trương Thị H (sinh năm 1963) được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi, trả lại cho bà Trương Thị H (sinh năm 1963) số tiền tạm ứng án phí là 13.096.000 đồng tại Biên lai số AA/2021/0000210 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Trương Thị H (sinh năm 1964) phải chịu án phí 9.321.666 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H3, ông Thân Đức Đ2, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $(159,8 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}) : 4 \times 5\% = 6.991.250 \text{ đồng}$ làm tròn thành 6.991.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền lần lượt bà H3 số AA/2021/0000212 và ông Đ2 số AA/20210000209 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Đ2 được trả lại số tiền 2.809.000 đồng, bà H3 được trả lại số tiền 2.809.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015

Áp dụng các Điều 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đứng về phía nguyên đơn:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 531209, diện tích đất 1766 m², tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Thân Thị Đ1 ngày 01/10/2002. Đồng thời, hủy đăng ký biến động đối với thửa đất trên tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện P với diện tích 1766 m² trong đó đất ở 400 m² và đất trồng cây nông nghiệp là 1366 m² với thời hạn sử dụng là ngày 15/10/2063 vào ngày 13/3/2020 đối với Anh Lê Thanh T1, chị Trương Thị L.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ N2 và cụ Y là diện tích đất 1090 m² tại tờ bản đồ 08, thửa 371, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế có giá trị thành tiền là: $1090 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng/1m}^2 = 3.815.000.000 \text{ đồng}$.

Trích công sức quản lý, giữ gìn làm tăng giá trị di sản cho bà Thân Thị Đ1 là 7% diện tích đất trong khối di sản là 76,3 m². Trích công sức quản lý, giữ gìn làm tăng giá trị di sản cho ông T1, bà L là 5% diện tích đất trong khối di sản là 54,5 m².

Như vậy, di sản thừa kế còn lại của cụ N2 cụ Y để phân chia là: 959,2 m². Mỗi kỹ phần được hưởng là: $959,2 \text{ m}^2 : 6 \text{ kỹ phần} = 159,8 \text{ m}^2$.

Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N2 cụ Y gồm 06 người là các ông. bà: Ông Thân Đức Đ (chết 02/6/2023), bà Thân Thị Đ1, bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S, ông Thân Đức Đ3 (đã chết năm 1968, ông Đ3 có 04 người con là Thân Đức C, thân Đức Giáo, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2), bà Thân Thị C1 (chết năm 1986, có 03 người con là Trương Thị H (sinh năm 1963), Trương Thị H (sinh năm 1964), Trương Thị T2).

+ Giao cho những người thừa kế của ông Thân Đức Đ3 và bà Thân Thị C1 gồm các ông bà: Thân Đức C, Thân Đức G, Thân Thị H3, Thân Đức Đ2; Trương Thị T2, Trương Thị H, sinh năm 1963, Trương Thị H được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất 319,6 m² trong đó diện tích đất ở 75 m² đất trồng cây nông nghiệp là 244,6 m² (Ký hiệu Thửa B, thuộc một phần thửa đất 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, xã P, huyện P). Do ông Thân Đức G đại diện nhận.

Giao cho Bà Thân Thị Đ1 được nhận 04 kỹ phần thừa kế (Bà Đ1, ông Đ, bà Q1 và ông S) diện tích đất là: 770,4 m² (Ký hiệu Thửa A, thuộc một phần thửa đất 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, xã P, huyện P).

Đối với diện tích đất 150 m² và phần đất bà Đ1 có khai phá thêm 526 m² không liên quan đến di sản của cụ N2 và cụ Y để lại nên phần diện tích $150 \text{ m}^2 + 526 \text{ m}^2 = 676 \text{ m}^2$ đất (nằm trong thửa A, thuộc một phần thửa đất 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) giao cho bà Thân Thị Đ1 quản lý sử dụng.

Như vậy tổng diện tích đất giao cho bà Đ1 là $770,4 \text{ m}^2 + 676 \text{ m}^2 \text{ đất} = 1446,4 \text{ m}^2$ trong đó đất ở 325 m^2 đất trồng cây nông nghiệp là $1121,4 \text{ m}^2$ nằm trong thửa A, thuộc thửa đất 371, tờ bản đồ số 8, tại thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Toàn bộ tài sản nhà ở, cây cối trên diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Lê Thanh T1 và bà Trương Thị L.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đứng về phía nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất là 751 m^2 .

4. Không chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S có yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế của cụ ông Thân Đức N2, cụ bà Trương Thị Y.

5. Về chi phí thẩm định, định giá, bản vẽ: Nguyên đơn ông Thân Đức G tự nguyện chịu toàn bộ. Ông G đã nộp đủ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Thân Đức G được miễn án phí do ông G là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Bị đơn ông Lê Văn T và bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $(54,5 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 9.357.500 \text{ đồng}$. Mỗi người phải chịu $4.768.750 \text{ đồng}$. Ông T là người cao tuổi nên được miễn, bà L phải chịu $4.768.750 \text{ đồng}$ làm tròn thành $4.768.700 \text{ đồng}$.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Đ1 được miễn án phí do các bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Q1, bà Thân Thị S không phải chịu án phí.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thân Đức C được miễn án phí do ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Nguyên đơn bà Trương Thị H (sinh năm 1964), Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trương Thị H (sinh năm 1963), Bà Trương Thị T2 mỗi người phải chịu án phí: $(159,8 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}) : 3 \times 5\% = 9.321.666 \text{ đồng}$ làm tròn thành $9.321.600 \text{ đồng}$ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền bà T2 số AA/2021/0000211 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, bà T2 được trả lại số tiền $3.774.400 \text{ đồng}$. Bà Trương Thị H (sinh năm 1963) được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi, trả lại cho bà Trương Thị H (sinh năm 1963) số tiền tạm ứng án phí là $13.096.000 \text{ đồng}$ tại Biên lai số AA/2021/0000210 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Trương Thị H (sinh năm 1964) phải chịu án phí $9.321.666 \text{ đồng}$.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H3, ông Thân Đức Đ2,

mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $(159,8 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}) : 4) \times 5\% = 6.991.250$ đồng làm tròn thành 6.991.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền lần lượt bà H3 số AA/2021/0000212 và ông Đ2 số AA/20210000209 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Đ2 được trả lại số tiền 2.809.000 đồng, bà H3 được trả lại số tiền 2.809.000 đồng.

7. Về nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Hưng Bính